

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2015/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH**Quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;**Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;**Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,**Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quyết định này quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

Quyết định này áp dụng đối với nhà sản xuất, người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ trên lãnh thổ Việt Nam.

Sản phẩm thải bỏ phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc đối tượng áp dụng của Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sản phẩm thải bỏ là chất thải có nguồn gốc từ sản phẩm đã hết thời hạn sử dụng hoặc sản phẩm được thải bỏ sau quá trình sử dụng thuộc Danh mục kèm theo Quyết định này.

2. Thu hồi sản phẩm thải bỏ là tiếp nhận, thu gom sản phẩm thải bỏ để quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Nhà sản xuất là tên gọi chung cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ như sau:

a) Cơ sở sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục kèm theo Quyết định này trong nội địa Việt Nam;

b) Cơ sở thực hiện vai trò nhà nhập khẩu chính thức hoặc nhà phân phối chính thức (hay còn gọi là nhà phân phối cấp một) của sản phẩm thuộc Danh mục kèm theo Quyết định này được sản xuất ở nước ngoài hoặc được sản xuất bởi các doanh nghiệp chế xuất hoặc doanh nghiệp trong khu phi thuế quan.

4. Cơ sở phân phối là cơ sở bán buôn, bán lẻ hoặc đại lý bán sản phẩm thuộc Danh mục kèm theo Quyết định này (trừ nhà nhập khẩu chính thức hoặc nhà phân phối chính thức).

5. Điểm thu hồi là nơi tiếp nhận sản phẩm thải bỏ do nhà sản xuất trực tiếp thiết lập hoặc phối hợp với cơ sở phân phối thiết lập.

6. Người tiêu dùng là các đối tượng cuối cùng sử dụng sản phẩm trước khi thải bỏ, bao gồm: Hộ gia đình; cá nhân; văn phòng các cơ quan hành chính nhà nước; trường học.

7. Tổ chức, cá nhân thu gom là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thu gom trực tiếp sản phẩm thải bỏ từ người tiêu dùng để chuyển đến điểm thu hồi.

Điều 3. Danh mục sản phẩm thải bỏ và thời điểm thực hiện thu hồi, xử lý

1. Danh mục sản phẩm thải bỏ và thời điểm thực hiện thu hồi, xử lý được ban hành tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục sản phẩm thải bỏ và thời điểm thực hiện thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ được Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung phù hợp với điều kiện của Việt Nam trong từng thời kỳ.

Điều 4. Phương thức thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ

1. Các sản phẩm thải bỏ được thu hồi thông qua các hình thức sau:

a) Nhà sản xuất trực tiếp thực hiện hoặc phối hợp với nhau thực hiện thông qua điểm thu hồi hoặc hệ thống các điểm thu hồi;

b) Nhà sản xuất phối hợp hoặc ủy quyền cho đơn vị vận chuyển, xử lý chất thải có chức năng phù hợp thực hiện;

c) Đơn vị vận chuyển, xử lý chất thải có chức năng phù hợp trực tiếp thực hiện việc thu hồi theo quy định về quản lý chất thải mà không có sự phối hợp, ủy quyền của nhà sản xuất.

2. Điểm thu hồi sản phẩm thải bỏ được thực hiện thống nhất theo loại sản phẩm, có thể không phụ thuộc vào nhãn hiệu hoặc nhà sản xuất.

3. Việc chuyển giao, thu gom, lưu giữ, vận chuyển sản phẩm thải bỏ là chất thải nguy hại phát sinh từ người tiêu dùng để chuyển đến các điểm thu hồi không yêu cầu Giấy phép xử lý chất thải nguy hại nhưng phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường về thu gom, lưu giữ, vận chuyển sản phẩm thải bỏ.

4. Sản phẩm thải bỏ sau khi thu hồi phải được quản lý và xử lý theo quy định về quản lý chất thải.

Chương II

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN LỢI TRONG VIỆC THU HỒI, XỬ LÝ SẢN PHẨM THẢI BỎ

Điều 5. Trách nhiệm của nhà sản xuất

1. Tổ chức thu hồi sản phẩm thải bỏ do mình đã bán ra thị trường Việt Nam.

2. Thiết lập điểm hoặc hệ thống các điểm thu hồi sản phẩm thải bỏ theo các hình thức sau:

a) Tự thiết lập hoặc phối hợp với nhà sản xuất khác để thiết lập;

b) Thiết lập tại địa điểm riêng hoặc phối hợp với cơ sở phân phối để thiết lập tại địa điểm của cơ sở phân phối.

3. Điểm thu hồi phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường về thu gom, lưu giữ, vận chuyển sản phẩm thải bỏ.

4. Có trách nhiệm tiếp nhận sản phẩm thải bỏ của mình; khuyến khích tiếp nhận sản phẩm cùng loại với sản phẩm mình đã bán ra thị trường mà không phân biệt nhãn hiệu hoặc nhà sản xuất.

5. Tiếp nhận để xử lý những sản phẩm thải bỏ của mình đã đưa ra thị trường do nhà sản xuất khác thu hồi được khi có yêu cầu.

6. Xây dựng và thực hiện chính sách hợp lý, ưu đãi, tuyên truyền đối với người tiêu dùng hoặc tổ chức, cá nhân thu gom chuyển giao sản phẩm thải bỏ tại điểm tiếp nhận.

7. Tổ chức việc vận chuyển sản phẩm thải bỏ từ các điểm thu hồi đến các trạm trung chuyển (nếu có) và cơ sở xử lý theo quy định về quản lý chất thải.

8. Tổ chức xử lý sản phẩm thải bỏ đã thu hồi theo quy định về quản lý chất thải theo các hình thức sau:

- a) Trực tiếp xử lý;
- b) Chuyển giao cho các đơn vị xử lý chất thải trong nước có chức năng phù hợp;
- c) Xuất khẩu ra nước ngoài để xử lý;
- d) Tái sử dụng;
- đ) Các hình thức khác theo quy định.

9. Khi chuyển giao sản phẩm thải bỏ là chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý từ các điểm thu hồi do mình trực tiếp thiết lập thì phải thực hiện kê khai, sử dụng chứng từ chất thải nguy hại với vai trò đại diện chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định.

10. Hàng năm, báo cáo Tổng cục Môi trường về các thông tin sau:

- a) Lượng sản phẩm được sản xuất, nhập khẩu đã bán ra thị trường Việt Nam;
- b) Danh sách điểm thu hồi và nơi xử lý sản phẩm thải bỏ;
- c) Kết quả thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ;
- d) Các trường hợp từ chối tiếp nhận sản phẩm thải bỏ và lý do từ chối tiếp nhận.

11. Báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương về các điểm thu hồi nằm bên ngoài cơ sở phân phối và khuôn viên cơ sở của nhà sản xuất.

12. Công khai thông tin về danh sách các điểm thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ; kết quả thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Môi trường và trang thông tin điện tử của mình (nếu có).

13. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về biển báo, dấu hiệu nhận biết và quy trình quản lý điểm thu hồi.

Điều 6. Quyền lợi của nhà sản xuất

1. Khi tự thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ thì được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

2. Được liên kết với nhà sản xuất khác để cùng thực hiện thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ khác nhãn hiệu nhưng cùng loại.

3. Được ủy quyền cho hiệp hội các nhà sản xuất mà mình là thành viên để đại diện thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ của mình.